

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 18/6/2022**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Hồ Thị Thùy An	Nữ	05/4/1995	Nghệ An	5.0	9.0	975/QĐ241/2022	TH000717	
2	Lê Hồng Thanh Anh	Nữ	13/3/2000	Nghệ An	6.3	6.5	976/QĐ241/2022	TH000718	
3	Đinh Lương Bằng	Nam	08/3/1991	Quảng Bình	6.7	8.5	977/QĐ241/2022	TH000719	
4	Lê Thị Mai Hiên	Nữ	10/10/1988	Nghệ An	6.7	8.0	978/QĐ241/2022	TH000720	
5	Hoàng Nhật Huy	Nam	25/3/1999	Nghệ An	7.0	9.0	979/QĐ241/2022	TH000721	
6	Nguyễn Thị Tuyết Lê	Nữ	05/5/1999	Hà Tĩnh	7.3	8.5	980/QĐ241/2022	TH000722	
7	Nguyễn Thị Linh	Nữ	28/6/1998	Ninh Bình	6.3	8.0	981/QĐ241/2022	TH000723	
8	Hồ Thị Khánh Ly	Nữ	05/8/1997	Nghệ An	6.3	6.0	982/QĐ241/2022	TH000724	
9	Nguyễn Thị Mến	Nữ	08/12/1995	Hà Tĩnh	7.3	7.0	983/QĐ241/2022	TH000725	
10	Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	02/8/1995	Hà Tĩnh	6.7	8.0	984/QĐ241/2022	TH000726	
11	Trần Thị Phúc	Nữ	08/12/1986	Nghệ An	7.0	9.5	985/QĐ241/2022	TH000727	
12	Phạm Thị Mai Sương	Nữ	05/4/2000	Nghệ An	7.0	8.5	986/QĐ241/2022	TH000728	
13	Trần Thị Thanh	Nữ	15/6/1990	Nghệ An	6.0	5.0	987/QĐ241/2022	TH000729	
14	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	29/3/1997	Nghệ An	6.0	8.0	988/QĐ241/2022	TH000730	
15	Lương Kim Diệu Thùy	Nữ	01/11/2000	Nghệ An	6.0	8.5	989/QĐ241/2022	TH000731	
16	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	10/12/1998	Nghệ An	6.3	7.5	990/QĐ241/2022	TH000732	
17	Lương Thị Ngọc Trang	Nữ	06/5/2000	Nghệ An	7.0	9.0	991/QĐ241/2022	TH000733	
18	Nguyễn Thị Uyên	Nữ	02/8/1999	Nghệ An	6.7	5.5	992/QĐ241/2022	TH000734	
19	Chu Thị Vân	Nữ	01/10/1985	Nghệ An	7.0	6.0	993/QĐ241/2022	TH000735	
20	Phạm Thảo Vi	Nữ	29/6/2001	Nghệ An	6.3	9.0	994/QĐ241/2022	TH000736	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			

